



CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG  
RANGDONG LIGHT SOURCE & VACUUM FLASK JOINT STOCK COMPANY

PHÒNG THỬ NGHIỆM VILAS 126

Add: 87-89, Hadinh Str - Thanh Xuan Dist - Hanoi - Vietnam

Tel: (84.24) 38584310 - 38584165 Fax: (84.24) 38585038

Email: ralaco@rangdong.com.vn Website: rangdong.vn.com

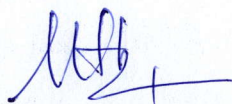
Số/No.: 24.11.09 /TN – 19

Trang/Page: 1 / 2

- |                        |                                                                                     |
|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Tên mẫu thử:        | Đèn LED Downlight AT10 110/9W 6500K (G) SS                                          |
| Name of sample         |                                                                                     |
| 2. Khách hàng:         | CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG                                       |
| Customer               | Địa chỉ: Số 87-89, phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội |
| 3. Nhà sản xuất:       | Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông                                       |
| Manufacturer           |                                                                                     |
| 4. Số lượng mẫu:       | 01 cái                                                                              |
| Quantity of samples    |                                                                                     |
| 5. Ký hiệu:            | AT10 110/9W                                                                         |
| Model                  |                                                                                     |
| 6. Mã số mẫu:          | 24.11.09.19                                                                         |
| Code of sample         |                                                                                     |
| 7. Ngày nhận mẫu:      | 09/ 11/ 2024                                                                        |
| Date of reception      |                                                                                     |
| 8. Tiêu chuẩn áp dụng: | TCVN 7722-1:2017/ IEC 60598-1:2014                                                  |
| Standard applies       | TCVN 10885-2-1:2015/ IEC 62722-2-1:2014                                             |
| 9. Kết quả:            | Xem trang 02/ 02                                                                    |
| Result                 |                                                                                     |

Hanoi, Date of 16/ 11/ 2024

Thử nghiệm viên/Tester  
(Họ tên và chữ ký/name and signature)

  
Nguyễn Minh Thư

KT. Trưởng PTN/ Head of Lab.  
(Họ tên và chữ ký/name and signature)

  
  
Kim Tuấn Anh  
VILAS 126

- 1- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng mang tới/ This result of testing is only for sample brought in the by customer  
2- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của Công ty/ Copying of part of this result is prohibited without agreement by the company.  
3- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo khai báo của khách hàng./ Name of sample and name of customer is written according to the declaration of the customer

PTN.TT02.BM04 Ban hành lần 1.1



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****Test Results**

| TT/<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Specifications                                                  | Đơn vị<br>Unit | Phương pháp thử<br>Test method             | Yêu cầu<br>Requirement                 | Kết quả<br>Result |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------|
| 1         | Ghi nhãn                                                                        |                | TCVN 7722-1:2017/<br>IEC 60598-1:2014      | Rõ ràng, đủ độ bền                     | Đạt               |
| 2         | Thử nóng ẩm trong 48 giờ ở nhiệt độ (20 ÷ 30) °C, độ ẩm tương đối (91 ÷ 95) %RH |                | TCVN 10885-2-1:2015/<br>IEC 62722-2-1:2014 |                                        |                   |
| 2.1       | Điện trở cách điện                                                              | MΩ             |                                            | ≥ 2                                    | > 200             |
| 2.2       | Thử nghiệm độ bền điện áp 1440 V/1 phút, tần số 50 Hz                           |                |                                            | Không bị phóng điện bề mặt, đánh thủng | Đạt               |
| 3         | Thông số điện, quang khi cấp điện áp nguồn 220V/50Hz                            |                |                                            |                                        |                   |
| 3.1       | Công suất                                                                       | W              |                                            | ≤ 9 + 10%                              | 8,87              |
| 3.2       | Dòng điện                                                                       | mA             |                                            | --                                     | 75,6              |
| 3.3       | Hệ số công suất                                                                 |                |                                            | ≥ 0,5 – 0,05                           | 0,533             |
| 3.4       | Quang thông                                                                     | lm             |                                            | ≥ 900 – 10%                            | 1 027             |
| 3.5       | Hiệu suất phát sáng                                                             | lm/W           |                                            | ≥ 100 – 20%                            | 115,7             |
| 3.6       | Nhiệt độ màu tương quan (CCT)                                                   | K              |                                            | --                                     | 6 599             |
| 3.7       | Hệ số thể hiện màu (CRI)                                                        |                |                                            | ≥ 80 – 3                               | 83,6              |